

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **62/2019/HC-PT**

Ngày 16-5-2019

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Công Thi**

Các thẩm phán: Ông **Trần Quốc Cường**

Bà **Lê Thúy Cầu**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Văn Thị Mỹ Thảo**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Hải Tuấn**, Kiểm sát viên.

Ngày 16 Tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 163/2018/TLPT-HC ngày 22/5/2018 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2018/HC-ST ngày 22 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 338/QĐ-PT ngày 25/4/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông **Nguyễn Văn N** và bà **Nguyễn Thị P**; Cùng địa chỉ: Thôn L1, xã H1, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, ông N có mặt, bà P vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông N: Ông **Vũ Xuân H**, địa chỉ: 85 Tôn Thất Tùng, phường Bắc Lý, thành phố Đồng Hới, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà P: Ông **Nguyễn Văn H5**; Địa chỉ: Thôn L1, xã H1, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Trung Đ** ; Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Q.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Ngọc T**; Chức vụ: Phó chủ tịch UBND huyện Q (theo văn bản ủy quyền số: 74/UQ-UBND ngày 14/5/2019), có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân xã H1, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Ông **Nguyễn Ngọc H2** - Chức vụ Chủ tịch UBND, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.2. Ông **Phan Văn L** và bà **Hoàng Thị H3**; Cùng địa chỉ: Thôn L1, xã H1, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Thị H3: Ông **Phan Văn L**; địa chỉ: Thôn L1, xã H1, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

3.3. Bà **Nguyễn Thị L2**, sinh năm 1948; Địa chỉ: Thôn L1, xã H1, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L2: Ông **Nguyễn văn H4** (theo Giấy ủy quyền ngày 04/8/2017), có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản đối thoại và tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện ông Nguyễn Văn N, và đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị P là ông Nguyễn văn H4, người bảo vệ quyền lợi ích cho người khởi kiện trình bày:

Vào năm 1993, theo chủ trương của nhà nước di dân vào vùng kinh tế mới, phủ xanh đồi núi trọc, gia đình ông N làm đơn xin cấp đất ở gò đồi được Hợp tác xã L1 và UBND xã H1 xác nhận và giao đất cho gia đình tại Hóc Lang, gia đình đã tiến hành chặt bom đạn, san ủi hố bom, tận dụng hố bom để đào ao thả cá và làm nhà. Đến năm 1994, bố ông N là ông Nguyễn Văn T1 (đã chết) đã thống nhất cùng gia đình cho bà Nguyễn Thị L2 một phần đất tách từ phần đất trên với diện tích: 1789,4m², ranh giới được cắm mốc từ mép hòn đá vôi đến cây bông gòn trở về phía Tây, không bao gồm ao cá phía trước mặt nhà bà L2. Bà L2 và ông L làm nhà, ở từ đó đến nay. Diện tích thực tế còn lại của gia đình ông N sử dụng là 2.400m². Tuy nhiên, UBND huyện Q đã cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông Nguyễn Văn L, bà Hoàng Thị H3 bao gồm cả diện tích ao cá mà không có sự thẩm định, không xác minh, không có ý kiến của người sử dụng đất liền kề là không đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật dẫn đến tranh chấp giữa hai gia đình. Tại biên bản thỏa thuận ngày

01/10/2015, ông Phan Văn L (Con của bà Nguyễn Thị L2) đã công nhận ao cá là của gia đình ông N. Vì vậy, ông N, bà P khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất số vào sổ: H 00122 ngày 08/7/2009 của UBND huyện Q cấp cho ông Phan Văn L và bà Hoàng Thị H3 với diện tích 3.321m² thuộc số thửa 220 tờ bản đồ số 24 tại xã H1 do cấp chồng diện tích ao cá của ông N, bà P.

Đại diện theo ủy quyền của UBND huyện Q, tại văn bản số 984/UBND-TNMT ngày 25/10/2017 và tại phiên tòa trình bày:

Tại Quyết định giao đất số: 80/QĐ-UB ngày 25/12/1995 về việc giao đất trồng đồi núi trọc có thời hạn để sản xuất lâm nghiệp, nông nghiệp và làm nhà ở ổn định lâu dài thì ông Phan Văn L ở HTX L1, xã H1 được UBND huyện Q giao 625m² đất, trong đó đất sản xuất nông nghiệp 425m², đất ở 200m².

Ngày 07/9/2004, UBND huyện Q cấp giấy chứng nhận QSD đất có số phát hành AA 413051, số vào sổ: 00040 QSDĐ/240/QĐ/UB tại thửa đất 235, tờ bản đồ 367 với diện tích 3.800m², tăng 3.175m² cho ông Phan Văn L so với quyết định giao đất số: 80/QĐ-UB Ngày 25/12/1995. Trường hợp cấp giấy chứng nhận QSD đất này đúng theo quy định tại khoản 2, Điều 49 và khoản 7, Điều 50 Luật Đất đai 2003: *“Hộ gia đình, cá nhân, đang sử dụng đất được Nhà nước giao đất.... từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004 mà chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất thì được cấp giấy chứng nhận QSD đất... ”*. Ngày 15/10/2007, ông Phan Văn L làm đơn xin cấp đổi lại Giấy chứng nhận QSD đất theo số liệu đo đạc mới và do Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2004 ghi nhầm tên là Nguyễn Văn L. Ngày 08/7/2009 UBND huyện Q đã cấp đổi lại Giấy CNQSD đất số vào sổ: H 00122 cho ông Phan Văn L, bà Hoàng Thị H3 với diện tích 3.321m² thuộc số thửa 220 tờ bản đồ số 24 tại xã H1 theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 144 Nghị định 181/2004/NĐ-CP.

Trước khi cấp đất cho ông Phan Văn L và bà Hoàng Thị H3 giữa hai gia đình ông N, P và ông L, bà H3 chưa phát sinh việc trao đổi đất. Diện tích cấp cho ông L, bà H3 không chồng lấn diện tích hợp pháp trong giấy chứng nhận QSD đất của ông N, bà P. Nếu hai gia đình thống nhất thực tế việc sử dụng ao cá là của ông N, bà P thì UBND huyện Q sẽ điều chỉnh Giấy chứng nhận QSD đất của ông L, bà H3.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn L và bà Hoàng Thị H3 trình bày: Năm 1993 đến năm 1995, Nhà nước có chủ trương di dân dọc theo đường 15 A thuộc địa phận thôn L1, xã H1, huyện Q, ông L lấy vợ nhưng chưa có đất nên đã làm đơn xin được cấp đất và được UBND huyện Q cấp đất theo Quyết định số: 80/QĐ-UB ngày 25/12/1995 với diện tích 625m² đất, trong đó đất sản xuất nông nghiệp 425m², đất ở 200m². Quá trình cấp giấy chứng nhận QSD đất đối với thửa đất trên đúng như lời trình bày của đại diện UBND huyện Q. Theo biên bản thẩm định ngày 30/3/2017 của TAND huyện Q, thì diện tích

thửa đất thực tế của ông N, bà P là 2.421 m², trong khi giấy chứng nhận QSD đất cấp chỉ 2.000m² đất. Như vậy, không có việc UBND huyện Q cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông L, bà H3 chồng lên diện tích đất đã cấp của ông N, bà P nên đề nghị Tòa án xem xét giải quyết đúng quy định pháp luật không làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của gia đình ông L.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Phan Văn L và bà Nguyễn Thị Hiền vì UBND cấp chồng lên diện tích ao cá gia đình ông N bà P đã sử dụng từ trước, chính ông L cũng thừa nhận phần ao cá và cây trồng trên đất là của ông N, bà Phượng nên mới lập biên bản đổi đất ngày 01/10/2015; Hơn nữa, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L bà H3 không theo quy định của pháp luật, không tiến hành thẩm định hiện trạng sử dụng đất, không có ý kiến của những người có mốc giới liền kề.

Người bị kiện vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xử vắng mặt;

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L2 nhất trí với yêu cầu khởi kiện, bà khẳng định phần đất ao cá là của gia đình ông N, bà P.

Ông Phan Văn L đồng quan điểm với phía người bị kiện, đất cấp cho ông là hợp pháp, không chồng lên diện tích đất đã cấp hợp pháp cho ông N, bà P; Sở dĩ ông có thỏa thuận đổi đất theo biên bản như phía người khởi kiện trình bày vì không muốn anh em căng thẳng với nhau chứ không có nghĩa là ông công nhận phần đất ao cá là đất ông N, bà P. Qua đối thoại trong vụ án hành chính và hoà giải trong vụ án dân sự, giữa hai bên vẫn không hoà giải được nên đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật, xử bác yêu cầu khởi kiện của bà P, ông N.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2018/HC-ST ngày 22 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 157, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Điều 49, 50, 52 Luật Đất đai năm 2003; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ngày 21/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án

Xử bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị P về yêu cầu: hủy Giấy chứng nhận số vào sổ: H 00122 ngày 08/7/2009 của UBND huyện Q cấp cho ông Phan Văn L và bà Hoàng Thị H3 với diện tích 3.321m² thuộc số thửa 220 tờ bản đồ số 24 tại xã H1.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 01/4/2018 ông Nguyễn Văn N và bà

Nguyễn Thị P có đơn kháng cáo đối với toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm, ông N cho rằng việc xét xử vụ án tại cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng hành chính bởi lẽ 02 vụ án hành chính cùng khởi kiện một quyết định hành chính thụ lý cùng ngày 12/10/2017 có sự liên quan mật thiết với nhau nhưng Chánh án đã phân công chỉ 01 thẩm phán xét xử 02 vụ án là lấy quan điểm của vụ án này áp đặt lên quan điểm của vụ án kia, như vậy là chứng tỏ không vô tư khách quan trong hoạt động xét xử giải quyết án. Ngoài ra, còn vi phạm về việc không triệu tập người làm chứng theo yêu cầu của đương sự nên ông N yêu cầu hủy Bản án Hành chính sơ thẩm số 04/2018/HC-ST ngày 22 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình. Trường hợp Tòa án cấp phúc thẩm không hủy thì đề nghị sửa Bản án hành chính sơ thẩm hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 00122 ngày 08/7/2009 của UBND huyện Q cấp cho ông Phan Văn L và bà Hoàng Thị H3. Về nội dung ông N cho rằng có nhiều tài liệu chứng cứ khác như Công văn 984/UBND-TNMT ngày 25/10/2017 của UBND huyện Q, sự thừa nhận của ông L tại biên bản hòa giải ngày 20/01/2017 tại UBND xã Hiền Vinh, nhận định tại Bản án dân sự sơ thẩm 01/2017/DSST ngày 19/7/2017 đều xác định diện tích đất ao cá và cây trồng là của ông N bà P nhưng quá trình giải quyết vụ án đã không làm rõ nguồn gốc sử dụng đất, trong hồ sơ lưu trữ có nhiều chữ ký giả mạo, trình tự thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L, bà H3 là không đúng các quy định của pháp luật đất đai.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Vũ Xuân H đại diện cho ông Nguyễn Văn N trình bày: Xin thay đổi nội dung kháng cáo đề nghị hủy Bản án hành chính sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa Bản án hành chính sơ thẩm.

Ông Phan Văn L là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày như sau: Đề nghị giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Đại diện UBND huyện Q ông Nguyễn Ngọc T trình bày: Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 00122 ngày 08/7/2009 của UBND huyện Q cấp cho ông Phan Văn L và bà Hoàng Thị H3 là đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm như sau:

- Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của ông

N, bà P. Sửa Bản án hành chính sơ thẩm, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 00122 ngày 08/7/2009 của UBND huyện Q cấp cho ông Phan Văn L và bà Hoàng Thị H3.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

{1}. Về tố tụng: Do cùng một đối tượng tài sản là quyền sử dụng 655,3m² đất được xác định trong 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00122 ngày 08/7/2009 với diện tích 3.321,m² tại thửa đất 220, tờ bản đồ số 24 xã H1 của UBND huyện Q cấp cho ông Phan Văn L, bà Hoàng Thị H3 nhưng Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã thụ lý giải quyết đồng thời trong 02 vụ án hành chính (*vụ 1: Người khởi kiện bà Nguyễn Thị L2, Vụ 2: Người khởi kiện ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị P*) và 01 vụ án tranh chấp dân sự (*Nguyên đơn ông Phan Văn L và bà Hoàng Thị H3 bị đơn ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị P*). Do tính chất vụ án tranh chấp dân sự mang tính chất quyết định nội dung và định đoạt về tài sản nên khi thụ lý để xét xử phúc thẩm đối với vụ án hành chính thì Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã có Quyết định số 130/QĐ-PT ngày 21/8/2018 v/v *Tạm đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án hành chính* để chờ kết quả giải quyết vụ án tranh chấp dân sự.

Ngày 23/11/2018 Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã xét xử phúc thẩm đối với vụ án tranh chấp dân sự về việc đòi lại đất giữa nguyên đơn ông Phan Văn L và bà Hoàng Thị H3, bị đơn ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị P, theo Bản án dân sự phúc thẩm số: 21/2018/DS-PT ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình. Do vậy, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tiếp tục giải quyết vụ án hành chính theo quy định pháp luật.

{2}. Xem xét Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 413051 ngày 07/9/2004 diện tích 625 m² và việc cấp đổi lại Giấy CNQSD đất số vào sổ: H 00122 ngày 08/7/2009 với diện tích 3.321,m² của UBND huyện Q cho ông Phan Văn L, bà Hoàng Thị H3, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Về nguồn gốc thửa đất có diện tích 3.321m² ông L, bà H3 đã được cấp Giấy CNQSDĐ nêu trên, trong đó có 655,3 m² có nguồn gốc do cụ Nguyễn Văn T1 (bố của ông N) khai hoang diện tích khoảng 6.000m² từ năm 1993 trên đất có trồng cây và ao cá của cụ T1. Đến năm 1994 cụ T1 chết, ông N, bà P (vợ ông N) tiếp tục sử dụng đất do cụ T1 để lại, trong gia đình có thống nhất nhượng lại cho bà Nguyễn Thị L2 (em ruột cụ T1) một phần diện tích đất 1.789,4 m². Trên phần đất nhượng lại cho bà L2 không có phần diện tích đất 655,3m² mà cụ T1 đã đào ao cá và trồng

cây, quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ các đương sự đều thừa nhận phần đất có cây trồng cây và ao cá có nguồn gốc là của cụ T1. Nhưng UBND huyện Q đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L bà H3 bao gồm luôn cả phần đất có 655,3 m² (trên đất đó có 350,m² là ao cá) và một số cây cối hoa màu của ông N, bà P.

Theo Bản án phúc thẩm dân sự số 21/2018/DS-PT ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình là Bản án dân sự có hiệu lực pháp luật của Tòa án, đã nhận định về quyền sử dụng đất 655,3 m² tại thửa đất 220, tờ bản đồ số 24 xã H1 do huyện Q đã cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 00122 ngày 08/7/2009 với diện tích 3.321,m², diện tích 655,3 m² là thuộc quyền sử dụng của ông N bà P. Đồng thời đã xử “Không chấp nhận khởi kiện của ông Phan Văn L và bà Hoàng Thị H3 về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị P trả lại 655,3 m² đất đã được UBND huyện Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00122 ngày 08/7/2009 cho ông L bà H3.

Như vậy, chứng tỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (cấp đổi) số H00122 ngày 08/7/2009 do UBND huyện Q cấp cho ông Phan Văn L và bà Hoàng Thị H3 với diện tích 3.321 m² thuộc thửa số 220 tờ bản đồ số 24 xã H1 là không đúng pháp luật vì trong đó có diện tích 655,3 m² đất thuộc quyền sử dụng của ông N bà P, như vậy chứng tỏ việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện Q cho ông L bà H3 là không đúng nguồn gốc đối với diện tích 655,3 m².

Từ sự phân tích trên Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị P, sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2018/HC-ST ngày 22 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình theo hướng hủy toàn bộ quyết định hành chính là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (cấp đổi) số H00122 ngày 08/7/2009 của UBND huyện Q đã cấp cho ông Phan Văn L và bà Hoàng Thị H3 với diện tích 3.321 m² thuộc thửa số 220 tờ bản đồ số 24 xã H1.

Ông Phan Văn L và bà Hoàng Thị H3 có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để làm lại các thủ tục hành chính về đất đai theo đúng các quy định của pháp luật.

Về án phí hành chính sơ thẩm: Do sửa Bản án hành chính sơ thẩm nên Hội đồng xét xử sửa lại phần án phí hành chính sơ thẩm theo đúng quy định pháp luật.

Về án phí hành chính phúc thẩm: Do chấp nhận kháng cáo nên ông N bà P không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 2 Điều 241, Điều 242 Luật tổ tụng hành chính

Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị P, sửa Bản án Hành chính sơ thẩm số 04/2018/HC-ST ngày 22 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Áp dụng: Khoản 1, Điểm b, Khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính.

Các Điều 49; 50 Luật đất đai năm 2003, các Điều 98; 99; 100; 101 Luật đất đai năm 2013;

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị P.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (cấp đổi) số H00122 ngày 08/7/2009 do UBND huyện Q cấp cho ông Phan Văn L và bà Hoàng Thị H3 với diện tích 3.321 m² thuộc thửa số 220 tờ bản đồ số 24 xã H1.

Về án phí hành chính sơ thẩm, phúc thẩm: Áp dụng Khoản 2 Điều 32; Khoản 2 Điều 34 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án

Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Bình phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Ông N bà P không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, phúc thẩm. Trả lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho ông N bà P nộp tại các biên lai số: 0005024 ngày 10/10/2017 và 300.000 đồng thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm tại biên lai số: 0004998 ngày 11/4/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, HCTP, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Công Thi